TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** TỈNH BẮC GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:**302**/2019/QĐST-HNGĐ	*Lục Ngạn, ngày 30 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ dân sự thụ lý số: 435/2019/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Lê Trọng P - Sinh năm 1988.

Trú quán: Thôn T - T - L - Bắc Giang.

* Bị đơn: Chị Trần Thị N - Sinh năm 1990.

Trú quán: Thôn T - T - L - Bắc Giang.

- Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22/10/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Trọng P và chị Trần Thị N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Trọng P và chị Trần Thị N cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Lê Trọng P và chị Trần Thị N cùng thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn: Anh Lê Trọng P có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Trần Bảo A - Sinh ngày 26/8/2011. Chị Trần Thị N có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Trần Bảo K, sinh ngày 08/10/2014. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh P, chị N tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau

khi ly hôn anh P, chị N được quyền đi lại thăm nuôi hai con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Lê Trọng Pvà chị Trần Thị N có tài sản chung nhưng không đề nghị tòa án giải quyết, không liên quan vay nợ. Không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ.

Về án phí: Áp dụng điều 147 BLTTDS, Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Lê Trọng P phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại anh P 150.000 đồng. Xác nhận anh P đã nộp 300.000 đồng tiền dự phí án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số: **AA/2019/0001007** ngày 22/10/2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- CCTHADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã T, huyện Lục Ngạn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Việt Hùng